

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
 Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
 Số trẻ: 136
 Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:

Sáng: Súp cua biển, nắm bào ngư, bông cải xanh, trứng gà, bột năng
 - Uống sữa Netsure
 Trưa: Cơm trắng
 - Canh thịt heo nấu củ mì, hành, ngò
 - Cá tai tượng chiên rim mắm, tỏi
 - Mướp luộc
 Xế: Pudding
 Chiều: Cháo lươn khoai môn, bắp mỹ, tỏi phi, rau mồng tơi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	250	7,850	19,625
2	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cám...)	1,000	6,280	62,800
3	0494	Đường cát	1,330	3,880	51,604
4	0524	Nước mắm loại II	1,800	4,950	89,100
5	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
6	0004	Gạo tẻ máy	10,300	2,560	263,680
7	0120	Hành lá (hành hoa)	400	5,360	21,440
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	150	8,820	13,230
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	150	6,300	9,450
10	0185	Tỏi ta	150	7,560	11,340
11	0406	Cua biển (cua bể)	710	95,150	675,565
12	N0778	Nắm bào ngư	600	12,710	76,260
13	0089	Cà rốt	1,200	5,570	66,840
14	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	1,100	7,460	82,060
15	0451	Trứng gà công nghiệp	700	7,333.3	51,333
16	0649	Bột năng	600	4,950	29,700
17	0637	Cá tai tượng	8,000	16,280	1,302,400
18	N0770	Thịt nạc dăm	1,400	18,900	264,600
19	0027	Củ sắn (khoai mì)	4,300	2,520	108,360
20	0136	Mướp	1,300	4,200	54,600
21	0001	Gạo nếp cái	1,200	3,050	36,600
22	0411	Lươn	1,700	25,410	431,970
23	0033	Khoai môn	700	6,620	46,340
24	N0896	Bắp Mỹ (hạt tươi)	600	3,680	22,080
25	0163	Rau mồng tơi	500	4,100	20,500

26	0457	Sữa bột toàn phần	2,793.58	20,500	572,684
27	0646	Bánh pudding	5,440	11,800	641,920
Tổng cộng					5,032,001
Tổng tiền thực phẩm					5,032,001
Tổng chi phí khác					0
Tiền được chi trong ngày					5,032,001
Số dư đầu ngày					1
Số dư cuối ngày					0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					1,098
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					40,626,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng					40,625,999

P.Hiệu trưởng

Cấp Dưỡng

Kế Toán



Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Lưu

Ngô Thị Ngọc Lan

